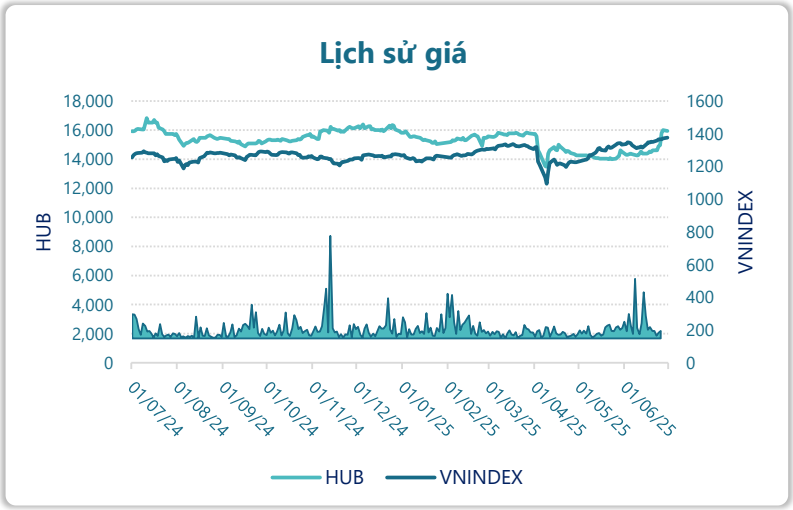
FireAnt

CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HSX: HUB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,826
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,478
SL cổ phiếu LH	30,242,878
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,245
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	482
P/E	8.4
EPS	1,888

DT thuần

Q2/25

85.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.4| 16.9%

YoY: ▼4.10| -4.6%

LN sau thuế

Q2/25

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.30| 45.0%

YoY: ▲ 1.90| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

24.5%

+/- YoY: ▲ 4.6%

DT thuần

6T 2025

158

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -4.3%

LN sau thuế

6T 2025

28.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -17.1%

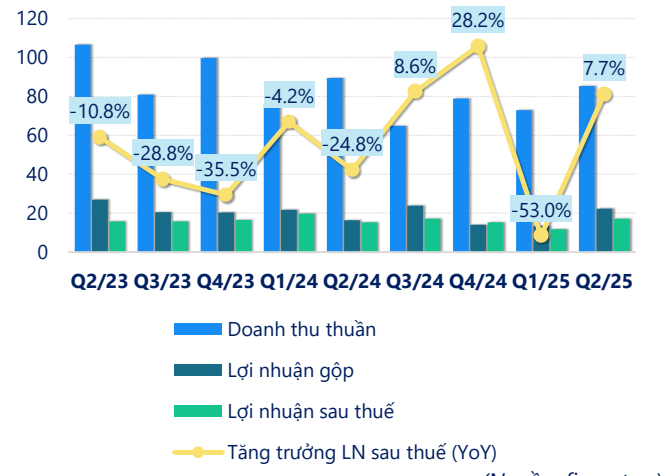
ROE

Q2/25

9.4%

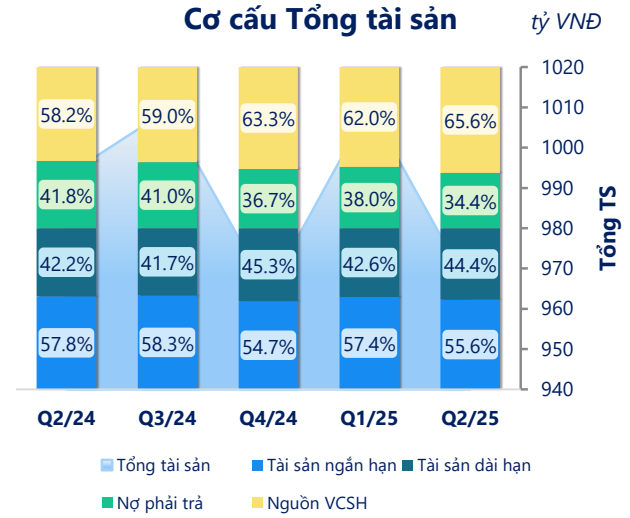
+/- YoY: ▼ 1.8%

Kết quả kinh doanh



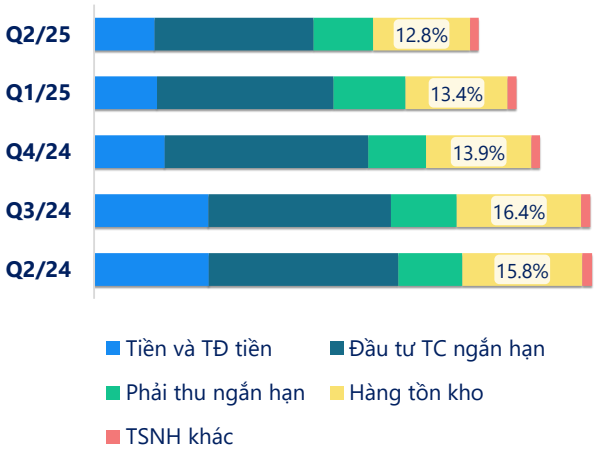
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



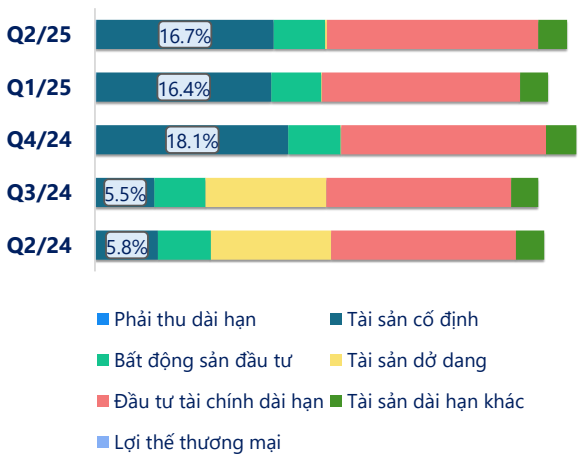
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



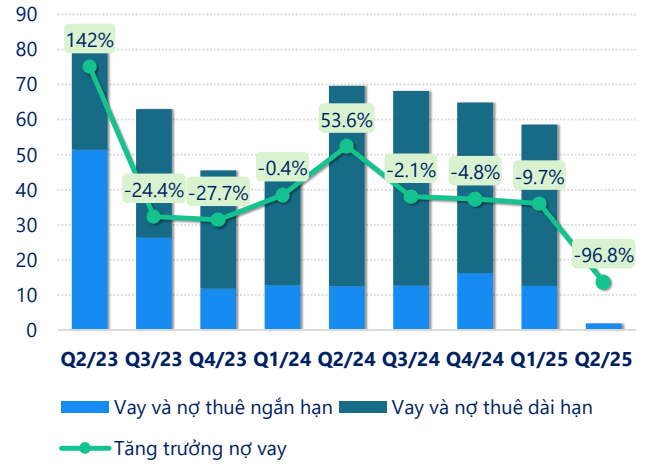
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



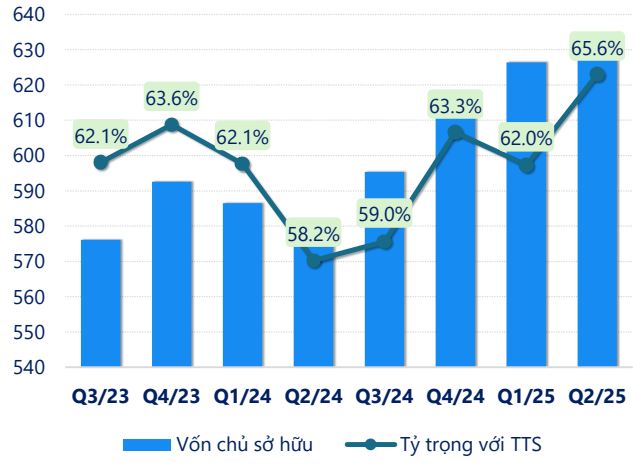
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



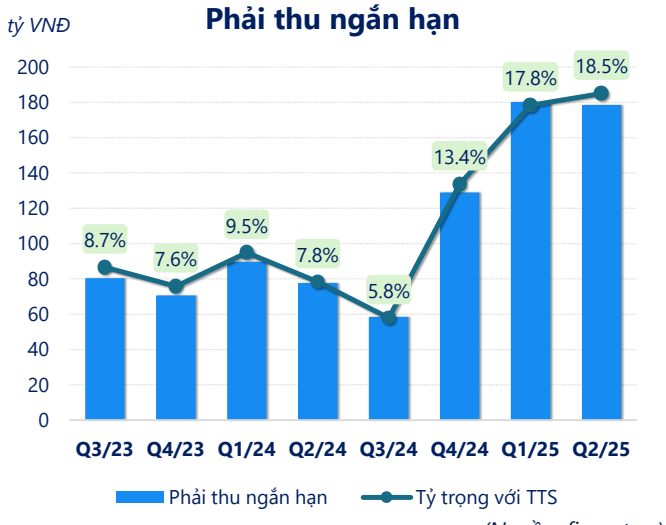
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



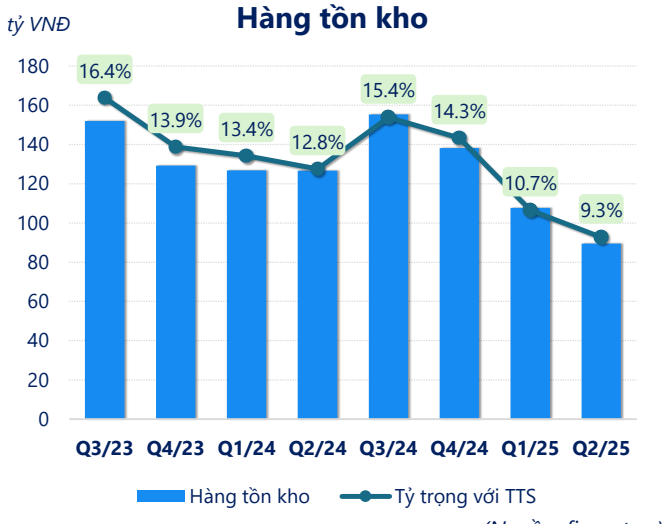
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



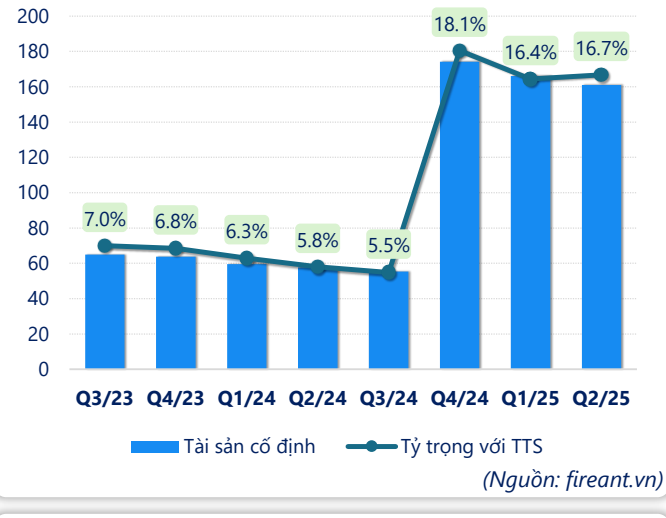
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



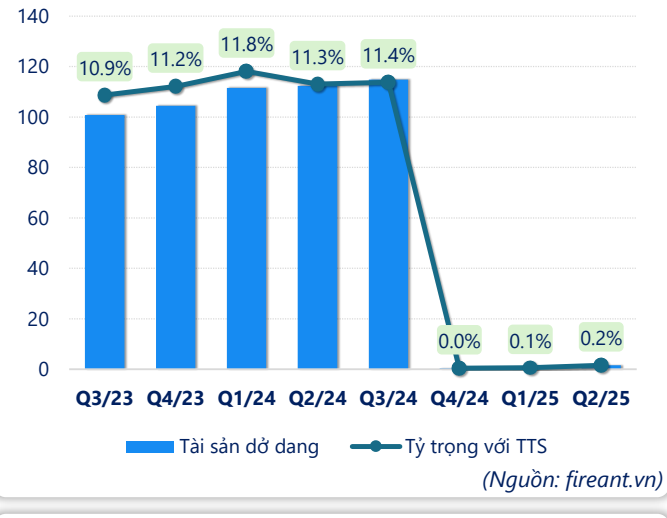
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



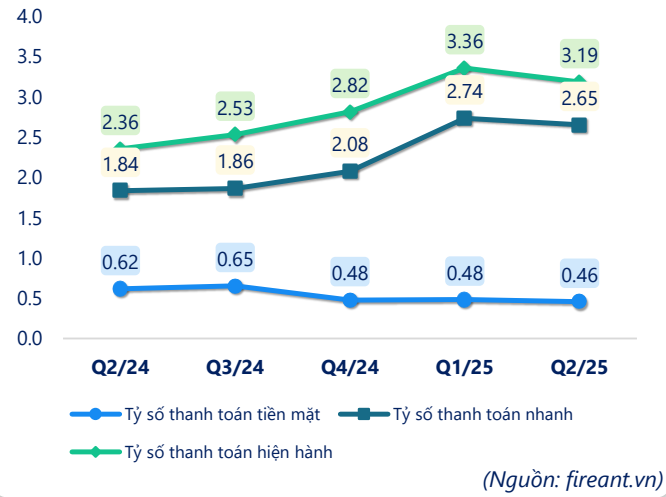
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



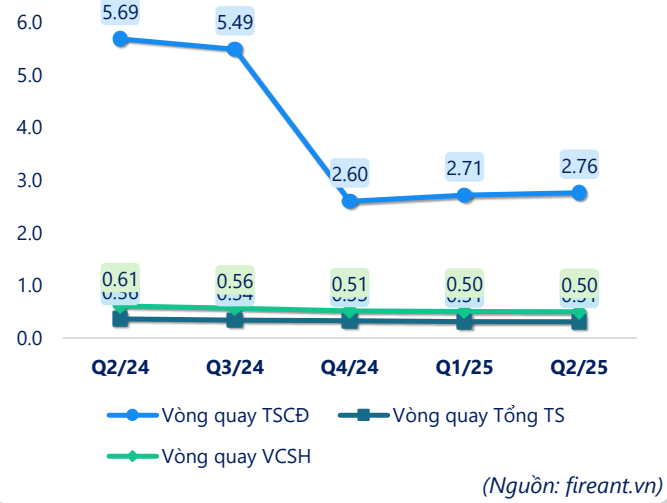
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**993**	**1,009**	**965**	**1,010**	**965**
Tài sản ngắn hạn	**574**	**589**	**528**	**580**	**536**
Tiền và tương đương tiền	150	152	89.7	83.6	77.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	208	211	153	201	186
Phải thu ngắn hạn	77.8	58.4	129	180	179
Hàng tồn kho	127	155	138	108	89.5
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	12.1	18.0	7.11	5.54
Tài sản dài hạn	**420**	**421**	**437**	**430**	**428**
Phải thu dài hạn	1.06	1.06	1.20	1.24	1.24
Tài sản cố định	57.7	55.3	174	166	161
Bất động sản đầu tư	49.4	48.5	47.6	47.6	46.7
Tài sản dở dang	112	115	0.41	0.60	1.53
Đầu tư tài chính dài hạn	173	175	186	188	192
Tài sản dài hạn khác	26.4	25.7	27.4	26.5	26.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**415**	**414**	**354**	**384**	**332**
Nợ ngắn hạn	**243**	**232**	**188**	**173**	**168**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.5	12.6	16.2	12.6	1.78
Phải trả người bán ngắn hạn	38.8	37.3	28.7	26.6	29.0
Nợ dài hạn	171	182	166	211	163
Vay và nợ thuê dài hạn	57.2	55.5	48.6	46.0	0.11
Nguồn vốn chủ sở hữu	**578**	**595**	**611**	**626**	**633**
Vốn chủ sở hữu	**578**	**595**	**611**	**626**	**633**
Vốn điều lệ	263	263	263	263	263
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)